

Số: 3218 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 5117/SKHĐT-TĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh, như sau:

a) Nguồn đất: Điều chỉnh giảm vốn của 01 dự án để bổ sung tăng cho 01 dự án với tổng số vốn là 101.680 triệu đồng.

b) Nguồn xổ số kiến thiết: Điều chỉnh giảm vốn của 02 dự án để bổ sung tăng cho 02 dự án với tổng số vốn là 107.783 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục I đính kèm)

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024, như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024:

a) Nguồn vốn ngân sách tỉnh

- Nguồn ngân sách tập trung: Điều chỉnh giảm vốn của 03 dự án để bổ sung tăng cho 06 dự án với tổng số vốn là 10.328 triệu đồng.

- Nguồn đất: Điều chỉnh giảm vốn của 10 dự án để bổ sung tăng cho 08 dự án với tổng số vốn là 177.683 triệu đồng.

- Nguồn xổ số kiến thiết: Điều chỉnh giảm vốn của 06 dự án để bổ sung tăng cho 02 dự án với tổng số vốn là 157.783 triệu đồng.

b) Nguồn vốn ngân sách trung ương

Điều chỉnh giảm vốn của 02 dự án để bổ sung tăng cho 02 dự án với tổng số vốn là 105.753 triệu đồng.

2. Giao bổ sung từ nguồn vốn cấp sau quyết toán:

a) Nguồn ngân sách tập trung là 20.000.000.000 đồng, trong đó:

- Đã giao chi tiết là 16.601.338.219 đồng.

- Giao chi tiết tại quyết định này là 3.398.661.781 đồng (cho 03 dự án).

- Phần còn lại chưa phân bổ 0 đồng.

b) Nguồn xổ số kiến thiết là 19.000.000.000 đồng.

- Đã giao chi tiết là 4.411.157.510 đồng.

- Giao chi tiết tại quyết định này là 3.003.490.219 đồng (cho 04 dự án).

- Phần còn lại chưa phân bổ 11.585.352.271 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục II, III, IV, V đính kèm)

Điều 3. Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư công.

Các đơn vị chủ đầu tư định kỳ hằng tháng gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024 về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước Đồng Nai; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh; Hiệu trưởng Trường cao đẳng y tế Đồng Nai; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Xuân Lộc; Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh và thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS các phòng.



Võ Tấn Đức



Phụ lục I
BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	 Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 điều chỉnh đến T07.2024			Điều chỉnh (tăng/giảm)		Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	XSKT	Đất	XSKT	NSTT	Đất	XSKT	
I	Giao thông												
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												
	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST100%)	L.T-NT	Tối đa 4 năm	1.493.500	2.000	130.000	100.000	(101.680)	101.680	2.000	28.320	201.680	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh	NT	2023-2026	2.584.000	0	858.247	280.753	101.680	(101.680)	0	959.927	179.073	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
II	Văn hóa - xã hội												
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021												
I	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	BH	2018-2022	146.000			31.600		6.103		0	37.703	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
	Y tế												
III	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025												
I	Dự án Xây mới Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 4 năm	467.563		57.823	72.177		(6.103)		57.823	66.074	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh



PHỤ LỤC II

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG, NGUỒN ĐẦU GIÁ ĐẤT, NGUỒN KẾT DƯ XỔ SỔ KIẾN THIẾT ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2288 QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến T07.2024	trong đó			Điều chỉnh tăng/giảm		Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	trong đó			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư XSKT 2021-2023	NSTT	Đất		NSTT	Đất	Kết dư XSKT 2021-2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	Tổng số				877.290	290.565	572.725	14.000	-	-	877.290	290.565	572.725	14.000	
I	Thực hiện dự án														
1	Giao thông														
I.1	Dự án chuyển tiếp														
1	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	Đến 2024	821.892											
	Trong đó														
2	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh giao thông				60.000		60.000			(2.000)	58.000		58.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (Kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	lời đa 5 năm	782.991											
	Trong đó														
3	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				32.000	7.262	24.738			(2.014)	29.986	7.262	22.724		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
3	Xây dựng cầu Vàm Cai Sút trên đường Hương lộ 2 nội dài	BH	lời đa 5 năm	387.019	15.000		15.000			(4.951)	10.049		10.049		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
4	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đăng Văn Tron (cầu Thông Nhái và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	lời đa 6 năm	1.506.539	200.000	50.637	149.363			16.501	216.501	50.637	165.864		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
5	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	lời đa 4 năm	113.620	44.000		30.000	14.000		4.500	48.500		34.500	14.000	UBND thành phố Long Khánh
6	Đầu tư tuyến đường Xuân Quê đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST 100%)	CM-LK	lời đa 4 năm	462.174											
	Trong đó														
7	Đầu tư tuyến đường Xuân Quê đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh				30.000		30.000			20.000	50.000		50.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
c	Tiền dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện đường Xuân Quê đi Long Khánh, đoạn qua địa bàn thành phố Long Khánh			47.214	47.074		47.074			(20.500)	26.574		26.574		UBND thành phố Long Khánh
7	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (vốn tính đối ứng khoảng 50% đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/4/2022)	NT	2023-2026												
	Trong đó														
a	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai	NT		2.583.995	44.791		44.791			(39.873)	4.918		4.918		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
1.2	Lập thiết kế ban và thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng														
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đăng Văn Tron (cầu Thông Nhái và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	lời đa 5 năm	1.146.000	98.664		98.664			(98.664)	-		-		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh	LK	tối đa 4 năm	939.479	179.000	179.000				50.000	229.000	179.000	50.000		UBND thành phố Long Khánh
3	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trach ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trach (NSF1000%)	LT-NT	tối đa 4 năm	1.493.043						37.781	37.781		37.781		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
IV	Cấp nước, thoát nước														
IV.1	Dự án chuyển tiếp														
1	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	BH	tối đa 4 năm	267.620											-
	Trong đó														-
a	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư				9.900	9.900			(5.081)		4.819	4.819	-		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trông huyện Long Thành	LT	Đến 2024	584.830	9.500	9.500		(3.534)			5.966	5.966	-		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BT(GPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	theo tiến độ Hiệp định	6.610.252	14.261	5.000	9.261		5.372	854	20.487	10.372	10.115	-	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản														-
V.1	Dự án chuyển tiếp														
	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai, đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thông Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa				6.377	6.377		(1.713)			4.664	4.664	-		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cày (Ngân sách thành phố Long Khánh chi bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	544.493	10.000	5.500	4.500			(4.500)	5.500	5.500	-		UBND thành phố Long Khánh
3	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Tam xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hảo phường An Bình thành phố Biên Hòa (bao gồm hoàn trả vốn ứng trước)	BH	tối đa 4 năm	201.528	20.000	3.400	16.600		3.706	3.047	26.753	7.106	19.647	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
V.2	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng														
1	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nao vét bờ trái tuyến rạch Cày Cầu (suối Xiếp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước tỉnh trên Dự Án và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương (chuyển chủ đầu tư từ UBND thành phố Biên Hoà sang Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh)	BH	tối đa 3 năm	163.110	3.110		3.110			45.000	48.110		48.110		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
VIII	Môi trường														
VIII.1	Dự án chuyển tiếp														-
1	Dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát)	BH	đến 2024	109.172	40.000	13.489	26.511			(1.501)	38.499	13.489	25.010	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
NI	Giao dịch, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp														
	Dự án khởi công mới														
1	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư, kể cả bỏ tư hoàn vốn ứng trước)	BH	Tối đa 3 năm	42.802	8.983		8.983			(2.400)	6.583	-	6.583	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
B	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư														
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc, huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đề án)	CN-XL-LT	tối đa 6 năm	4.311.410	3.200		3.200			(1.280)	1.920		1.920		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án tuyển thu gom về trạm xử lý nước thải số 1, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	99.570	500	500			155		655	655	-		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB	2022-2025	221.511	500		500		190		690	190	500	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT	2020-2024	107.180	130		130		230		360	230	130	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Dự án xây dựng kiến cố hóa đoạn từ lý trình Km6+692 đến lý trình Km8+592 tuyến kênh T0 và đoạn từ lý trình Km0+108 đến lý trình Km1+077 tuyến kênh T2 suối Nước Tròn, huyện Long Thành	LT	lỗi đa 03 năm	150.000	300		300		675		975	675	300	-	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh



BIỂU KÊ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 31... tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phụ lục III

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến T07.2024, nguồn XSKT	Điều chỉnh tăng/giảm nguồn XSKT	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, nguồn XSKT	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số				361.308	-	361.308	
A	Thực hiện dự án							
I	Y tế, dân số và gia đình							-
I.1	Dự án chuyển tiếp							-
1	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	10.581	5.956	(450)	5.506	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 5 năm	77.496	45.000	(2.273)	42.727	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án Nâng cấp, cải tạo Phòng khám đa khoa khu vực Phú Lý và Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu (cơ sở 2) tỉnh Đồng Nai	VC	2024-2026	22.280	1.900	(1.080)	820	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							-
II.1	Dự án chuyển tiếp							
1	Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn quốc gia	TB	tối đa 4 năm	152.000	65.000	(2.300)	62.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
III	Văn hóa - xã hội							-
III.1	Dự án chuyển tiếp							
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	BH	Đến 2024	103.383	8.199	6.103	14.302	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
IV	Giao thông							-
IV.1	Dự án chuyển tiếp							
1	Dự án đầu tư Đoàn 1, 2 tuyến đường Cao Càng, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	DQ	tối đa 5 năm	297.932	-			-
	Trong đó							

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến T07.2024, nguồn XSKT	Điều chỉnh tăng/giảm nguồn XSKT	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, nguồn XSKT	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9
a	Dự án đầu tư Đoàn 1, 2 tuyến đường Cao Càng, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện	ĐQ		297.932	4.500	(800)	3.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (vốn tỉnh đối ứng khoảng 50% đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/4/2022)	NT			-			
	Trong đó							
a	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai	NT		2.583.995	180.753	(150.880)	29.873	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
3	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST100%)	LT-NT	tới đa 4 năm	1.493.043	50.000	151.680	201.680	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh



Phụ lục IV
BỘ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN CẤP SAU QUYẾT TOÁN
(TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ XỔ SỔ KIẾN THIẾT)

Kèm theo Quyết định số 3218 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN DỰ ÁN	Kế hoạch 2024	CHỦ ĐẦU TƯ
1	2	3	4
	Tổng số	39.000.000.000 -	
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG	20.000.000.000 -	
I.1	Số vốn cấp sau quyết toán đã giao chi tiết (Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 19/01/2024; Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 và Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 29/3/2024; Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 13/5/2024; Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 31/7/2024; Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 30/9/2024)	16.601.338.219 -	
I.2	Số vốn cấp sau quyết toán giao chi tiết	3.398.661.781 -	
1	Dự án xây dựng Khu nhà nghỉ cán bộ của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai	58.228.000	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
2	Dự án Nút giao ngã tư Tân Phong, thành phố Biên Hòa	2.360.462.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
3	Dự án Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1A ngã ba Bưu Điện	979.971.781	UBND huyện Xuân Lộc
II	NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT	19.000.000.000 -	
II.1	Số vốn cấp sau quyết toán đã giao chi tiết (Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 13/5/2024; Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 31/7/2024; Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 30/9/2024)	4.411.157.510 -	
II.2	Số vốn cấp sau quyết toán giao chi tiết	3.003.490.219 -	
1	Dự án cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cơ sở 1 Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh	35.058.000	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh

STT	TÊN DỰ ÁN	Kế hoạch 2024	CHỦ ĐẦU TƯ
2	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh và 05 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đồng Nai	56.554.000	Sở Y tế
3	Dự án sửa chữa, cải tạo, di dời một số hạng mục của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	109.884.000	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai
4	Dự án Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1A ngã ba Bưu Điện	2.801.994.219	UBND huyện Xuân Lộc
II.3	Số vốn cấp sau quyết toán còn lại	11.585.352.271	-



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2024 ĐIỀU CHỈNH
Kèm theo Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 31... tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Phụ lục V

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định duyệt dự án và điều chỉnh		Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến T07.2024	Điều chỉnh (tăng/giảm)	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Số/ngày các QĐ	Tổng mức vốn đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số					1.041.131	0	1.041.131	
A	Dầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trong điểm khác					1.024.456		979.456	
	Giao thông								
1	Dự án chuyển tiếp								
1	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh	NT	2023-2026	295/QĐ 24/2/2023	2.583.995	474.456	60.753	535.209	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 (có sử dụng vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội năm 2023) trong đó:		2023-2026	233/QĐ 15/2/2023	6.012.349	500.000		439.247	
a	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1	BH-LT		233/QĐ 15/2/2023	6.012.349	500.000	-60.753	439.247	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
B	Hỗ trợ có mục tiêu					66.675		66.675	
	Giao thông								
1	Dự án chuyển tiếp								
1	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đăng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu), thành phố Biên Hòa	BH	2022-2025	1580/QĐ 13/5/2021; 4207/QĐ 8/10/2021	1.506.538	50.000	-45.000	5.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								
1	Dự án chuyển tiếp								
1	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù lao Phố) thành phố Biên Hòa (nguồn vốn ngân sách tỉnh cho công tác bồi thường)	BH	2022-2025	2220/QĐ 16/7/2013 4387/QĐ 18/10/2021 263/QĐ 24/01/2022, 2716/QĐ 06/10/2022	350.788	16.675	45.000	61.675	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh